

DU LỊCH VÀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG: ĐÁNH GIÁ CỦA NGƯỜI DÂN VÀ KHÁCH DU LỊCH TẠI TỈNH HÀ GIANG^(*)

Nguyễn Quang Thuấn

Nguyễn Chiến Thắng

Lê Văn Hùng

Bùi Đức Hoàng

Tóm tắt: Trong những năm gần đây, phát triển du lịch tỉnh Hà Giang đã có những đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế, tạo việc làm cho người lao động địa phương, đặc biệt là những hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, phát triển du lịch cũng bắt đầu gây ra một số hiệu ứng tiêu cực như vấn đề phá vỡ cảnh quan tự nhiên, tệ nạn xã hội, mất an ninh trật tự. Từ số liệu khảo sát các hộ gia đình, doanh nghiệp, khách du lịch và các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương, bài viết này sẽ phân tích rõ hơn phát triển du lịch với vấn đề phát triển bền vững tại tỉnh Hà Giang.

Từ khóa: Du lịch; Phát triển bền vững; Hà Giang.

Giới thiệu

Là tỉnh nằm ở địa đầu của Việt Nam, Hà Giang là khu vực núi cao, nơi giao thoa tiếp giáp giữa hai vùng văn hóa Đông Bắc - Tây Bắc với nhiều tiềm năng phát triển du lịch. Về giá trị cảnh quan tự nhiên, vùng cao phía Bắc của tỉnh (gồm các huyện Quản Bạ, Yên Minh, Đồng Văn và Mèo Vạc) với nhiều địa danh nổi tiếng như Mã Pì Lèng và sông Nho Quế (Mèo Vạc), cổng trời Sà Phìn (Đồng Văn), Cán Tỷ và núi Cô Tiên (Quản Bạ) đã được tổ chức Mạng lưới Công viên toàn cầu (Global Geoparks Networks-GGN) công nhận là thành

viên mạng lưới “Công viên địa chất toàn cầu” năm 2010. Khu vực phía Tây và phía Nam với nhiều cảnh quan tự nhiên như thác nước, sông, suối, đầm hồ nổi tiếng như thác Tiên ở huyện Xín Mần, thác Thủy, hồ Quang Minh ở Bắc Quang, suối Tiên thành phố Hà Giang và đặc biệt là lòng hồ Sông Gâm huyện Bắc Mê, ruộng bậc thang ở Hoàng Su Phì,... Về giá trị văn hóa cộng đồng, tỉnh có 19 dân tộc cùng sinh sống với những nét văn hóa đặc trưng riêng có như Mông, Dao, Pà Thèn, Cờ Lao, Lô Lô, Bố Y, Phù Lá, Pu Páo,... Về giá trị văn hóa lịch sử, tỉnh có những di sản văn hóa, các khu di tích lịch sử đã được nhà nước xếp hạng như phố Đồng Văn, khu kiến trúc nghệ thuật nhà Vương, khu danh thắng Cột cờ Lũng Cú huyện Đồng Văn; Di tích lịch sử cách mạng Tiểu khu Trọng Con, huyện Bắc Quang; Di tích Nàn Ma

(*) Bài viết này là sản phẩm của đề tài “Giải pháp xây dựng tổng thể sản phẩm và điểm đến du lịch gắn với khai thác tối ưu các giá trị của Hà Giang trong phát triển du lịch bền vững” - Mã số: ĐTXH.HG-06/18.

huyện Xin Mần, Cao điểm mặt trận biên giới Vị Xuyên 468, nghĩa trang liệt sỹ Vị Xuyên.

Với nhiều tiềm năng lợi thế, tỉnh Hà Giang đã có nhiều chính sách hỗ trợ và tạo môi trường kinh doanh² nhằm thúc đẩy phát triển du lịch bền vững như hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư dự án trong lĩnh vực du lịch tại các cơ sở lưu trú du lịch đạt chuẩn từ 3 sao trở lên; phát triển du lịch cộng đồng; đầu tư bảo vệ môi trường; xây dựng nhà vệ sinh đạt chuẩn tại các khu, tuyến, điểm du lịch, khu vui chơi giải trí, công viên, điểm dừng chân trên địa bàn toàn tỉnh; hỗ trợ kinh phí cho dự án xử lý chất thải rắn; hỗ trợ kinh phí phát triển nguồn nhân lực du lịch.

Nhờ nhiều chính sách hỗ trợ, du lịch Hà Giang đang có những dấu hiệu tích cực như số lượng khách du lịch ngủ qua đêm đã tăng từ 443.409 năm 2015 lên 768.953 năm 2019; doanh thu của các cơ sở lưu trú cũng tăng từ 35.456 lên 49.874 triệu đồng trong giai đoạn này (Cục Thống kê tỉnh Hà Giang, 2020). Dù đạt bước tiến tích cực nhưng phát triển du lịch cũng có những ảnh hưởng nhất định tới tình hình an ninh trật tự, tệ nạn xã hội, và môi trường, cảnh quan không gian du lịch và đời sống của người dân địa phương.

Từ số liệu khảo sát 150 hộ gia đình (đại diện cho các loại hình kinh doanh du lịch bao gồm dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống, kinh

² Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND tỉnh Hà Giang quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 21/7/2016 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang phê duyệt Đề án phát triển nguồn nhân lực du lịch tỉnh Hà Giang đến năm 2025; Dự án số 03 và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 04/7/2017 về việc phê duyệt Dự án "Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong danh mục di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia" và "Phục dựng, bảo tồn một số lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số, giai đoạn 2017 - 2020.

doanh vận chuyên, bán hàng, dịch vụ du lịch, lao động) tại 11 huyện/thành phố của tỉnh Hà Giang và 159 khách du lịch (trong đó có 118 du khách trong nước và 41 du khách quốc tế từ 6 quốc gia bao gồm Israel, Pháp, Anh, Mỹ, Đức, và Bỉ); thảo luận, phỏng vấn sâu với cán bộ quản lý các cấp; với một số doanh nghiệp và hộ gia đình hoạt động trong lĩnh vực du lịch tại thành phố Hà Giang và 7 huyện (Bắc Quang, Vị Xuyên, Quán Bạ, Đông Văn, Quang Bình, Hoàng Su Phì, Xin Mần), bài viết sẽ phân tích, đánh giá nhằm làm rõ hơn ảnh hưởng của phát triển du lịch tới phát triển bền vững tại tỉnh Hà Giang.

1. Phát triển du lịch và phát triển bền vững

Theo Tổ chức Du lịch Thế giới - UNWTO, du lịch bền vững là "du lịch có tính đến đầy đủ các tác động hiện tại và trong tương lai về kinh tế, xã hội, và môi trường trong việc đáp ứng các nhu cầu của du khách, ngành du lịch, môi trường và các cộng đồng bản địa". Nói cách khác, phát triển du lịch bền vững phải có kế hoạch quản lý các nguồn tài nguyên giúp người dân thỏa mãn các nhu cầu về kinh tế, xã hội, thẩm mỹ nhưng vẫn duy trì được sự toàn vẹn về văn hóa, đa dạng sinh học, sự phát triển của các hệ sinh thái.

Phát triển du lịch tạo ra những mặt tích cực như đóng góp ngân sách cho nhà nước, lợi nhuận cho nhà đầu tư và việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương. Tuy nhiên, phát triển du lịch chắc chắn sẽ sử dụng nguồn lực và việc gây ra những hiệu ứng tiêu cực không mong muốn là khó tránh khỏi. Theo UNWTO (2017), phát triển du lịch có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế, hạ tầng, tạo việc làm và giảm nghèo nhưng ngành này cũng tạo ra nhiều thách thức như vấn đề sản xuất và tiêu dùng bền vững, quản lý tài nguyên, tác động tới môi trường, đa dạng sinh học và biến đổi khí hậu. Do đó, các chính sách quản lý và phát triển phải phù hợp nhằm đảm

bảo hạn chế thấp nhất những tác động không mong muốn này.

Theo McKercher (1993), du lịch là hoạt động của một ngành và nó phải sử dụng và tiêu tốn nguồn lực, tạo ra rác thải nên cần phải có hạ tầng riêng, phải đảm bảo nguồn lực tự nhiên được bảo tồn; ngành du lịch với sự tham gia chủ yếu là khu vực tư nhân và mục tiêu chính của họ là lợi nhuận chứ không phải mục tiêu xã hội hay bảo vệ môi trường sinh thái; các hoạt động du lịch chủ yếu "nhập khẩu" du khách hơn là xuất khẩu sản phẩm nên các địa bàn này chắc chắn chịu ảnh hưởng bởi các hoạt động của du khách. Trong khi đó, Khan và cộng sự (1990) cho rằng du lịch mang lại nhiều lợi ích xã hội khi mang lại sự thích thú, thỏa mãn rộng hơn cho mọi người trên thế giới nhưng nó cũng gây ra những vấn đề xã hội như ma túy, mại dâm, buôn người,... Thậm chí, nếu không quản lý tốt thì phần nhận được của các địa phương du lịch, nhất là những nước nghèo (thế giới thứ ba) là rất nhỏ so với những thứ mất đi do gia tăng khai thác nguồn lực và môi trường tự nhiên (Cater và Goodall, 1997).

Vì vậy, Bulter (1997) và Laws (1995) cho rằng các qui định và kiểm soát là cần thiết nhằm đảm bảo phát triển du lịch bền vững và đảm bảo cân bằng chất lượng và tính bền vững tại điểm đến du lịch. Theo Phạm Trung Lương (2002), để phát triển du lịch bền vững cần đảm bảo khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên một cách hợp lý; giảm thiểu chất thải ra môi trường; phát triển du lịch phải gắn liền với nỗ lực bảo tồn tính đa dạng; phải phù hợp với quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội; chú trọng việc chia sẻ lợi ích với cộng đồng địa phương trong quá trình phát triển; cần có sự tham gia của cộng đồng địa phương vào các hoạt động phát triển du lịch; thường xuyên trao đổi, tham khảo ý kiến với cộng đồng địa phương và các bên liên quan trong quá trình phát triển du

lịch; chú trọng việc đào tạo nâng cao nhận thức về tài nguyên môi trường; trách nhiệm trong hoạt động xúc tiến, quảng cáo du lịch; tăng cường liên kết trong phát triển du lịch và coi trọng kết quả nghiên cứu trong phát triển du lịch. Từ tổng quan nghiên cứu, Welford và cộng sự (1999) cho rằng các yếu tố còn thiếu trong hầu hết các đề xuất phát triển du lịch gắn với phát triển bền vững là sự kết nối giữa khía cạnh cung (các doanh nghiệp du lịch) và cầu (khách du lịch), cần có chính sách và hành động nhằm giảm các áp lực tiêu cực từ đầu chuỗi (upstream) tới cuối chuỗi (downstream).

Bài viết này sẽ tập trung phân tích, đánh giá phản hồi của người dân và khách du lịch trong nước và quốc tế về những ảnh hưởng, tác động của phát triển du lịch ở một số khía cạnh chính như vấn đề thu nhập, giá cả dịch vụ, hạ tầng công cộng, việc làm, văn hóa của người bản địa, tình hình an ninh trật tự, tội phạm, tệ nạn xã hội, vấn đề ô nhiễm rác thải, rác thải và môi trường sống.

2. Đánh giá của người dân về phát triển du lịch và vấn đề phát triển bền vững

2.1. Tác động đối với kinh tế

Tác động tới thu nhập của các hộ gia đình.
Trong những năm gần đây, sự phát triển du lịch của tỉnh Hà Giang đã mang lại những thay đổi khá lớn đối với phát triển kinh tế gia đình của nhiều hộ dân. Đặc biệt, những nơi có du khách thăm quan, nghỉ dưỡng đông giúp nhiều hộ gia đình, lao động mang lại thu nhập nhờ tham gia hoạt động kinh doanh, làm việc trực tiếp và gián tiếp. Kết quả khảo sát hộ gia đình cho thấy, thu nhập của các hộ gia đình tham gia hoạt động du lịch tăng khá nhanh tại những địa phương có hoạt động du lịch phát triển nhanh trong những năm gần đây như Hoàng Su Phì, Xín Mần, Quản Bạ, Đồng Văn, Mèo Vạc. Có tới 57,7% hộ được khảo sát cho rằng thu nhập của hộ tăng mạnh và 42,3% cho rằng

thu nhập tăng nhanh hơn so với khi chưa tham gia hoạt động du lịch. Hộ gia đình tại các huyện ít có tiềm năng hấp dẫn khách du lịch như huyện Bắc Quang, Bắc Mê, Vị Xuyên ít

có sự thay đổi trong thu nhập từ hoạt động du lịch. Có khoảng 40% số hộ khảo sát cho rằng thu nhập từ hoạt động du lịch của họ không thay đổi.

BẢNG 1. ĐÁNH GIÁ CỦA NGƯỜI DÂN VỀ VAI TRÒ CỦA PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỚI THU NHẬP CỦA HỘ GIA ĐÌNH (%)

	Toàn tỉnh	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
Giảm mạnh	0,0	0,0	0,0	0,0
Giảm	0,0	0,0	0,0	0,0
Không thay đổi	36,5	39,7	30,5	0,0
Tăng	60,8	58,7	64,4	42,3
Tăng rất mạnh	2,7	1,6	5,1	57,7

Ghi chú: Vùng 1 - Không gian du lịch trung tâm (TP. Hà Giang, Vị Xuyên, Bắc Quang, Bắc Mê), Vùng 2 - Không gian du lịch Cao nguyên địa chất toàn cầu Đồng Văn (Quản Bạ, Yên Minh, Đồng Văn, Mèo Vạc), Vùng 3 - Không gian du lịch Đông Bắc (Xín Mần, Hoàng Su Phì, Quang Bình)

Nguồn: Tính toán từ kết quả khảo sát của đề tài 2019.

Tác động tới hạ tầng giao thông. Do số khách du lịch đến Hà Giang chưa quá lớn và phần lớn di chuyển theo hình thức nhỏ lẻ nên các phương tiện tham gia giao thông chưa tạo ra áp lực lớn. Trong khi đó, các chương trình hạ tầng giao thông quốc gia cũng giúp cải thiện nhanh giao thông kết nối, giao thông nội thị, giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, việc kết nối giao thông giữa Hà Giang với các trung tâm khác, vùng khác vẫn mất khá nhiều thời gian do chưa có đường cao tốc kết nối và sân bay. Kết nối giữa các điểm du lịch trong nội tỉnh cũng khá khó khăn, đặc

biệt vào mùa mưa. Nhiều điểm xe du lịch lớn (xe 30 chỗ, 45 chỗ) không tiếp cận được. Giao thông kết nối hiện vẫn là điểm yếu của Hà Giang trong phát triển du lịch. Chính vì vậy, ngành du lịch Hà Giang thu hút khách du lịch chủ yếu ở qui mô nhỏ lẻ, tự đi hoặc các nhóm khách nhỏ. Theo phản hồi từ các hộ gia đình, phần lớn người trả lời cho rằng phát triển du lịch giúp cải thiện cơ sở hạ tầng (47,3% cho rằng cải thiện và 8,25 cho rằng rất cải thiện); chỉ có tỷ lệ nhỏ cho rằng phát triển du lịch ảnh hưởng tiêu cực tới hạ tầng giao thông.

BẢNG 2. ĐÁNH GIÁ CỦA NGƯỜI DÂN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA DU LỊCH TỚI HẠ TẦNG GIAO THÔNG (%)

	Toàn tỉnh	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
Rất xuống cấp	1,37	0	3,51	0
Xuống cấp	21,23	22,22	24,56	11,54
Không ảnh hưởng	21,92	20,63	21,05	26,92
Cải thiện	47,26	49,21	45,61	46,15
Rất cải thiện	8,22	7,94	5,26	15,38

Nguồn: Tính toán từ kết quả khảo sát của đề tài 2019.

Tác động tới không gian công cộng. Do qui mô và tốc độ phát triển du lịch của tỉnh Hà Giang chưa tạo ra áp lực quá lớn tới hạ tầng chung của các điểm du lịch (chỉ xảy ra cục bộ một vài thời điểm và không quá cao) nên khách du lịch cũng ít ảnh hưởng tới không gian sinh hoạt công cộng. Thậm chí, nhờ phát triển du lịch, tỉnh có nguồn thu ngân sách để đầu tư, cải tạo và giúp các không gian công

cộng trở nên tốt hơn. Kết quả khảo sát của các hộ cũng phản ánh khá sát thực tế tại các huyện của Hà Giang.

Tuy nhiên, trong dài hạn khi du lịch phát triển hơn nữa, tỉnh cần có qui hoạch và đầu tư xây dựng không gian công cộng có tính tới lượng khách du lịch tới các địa phương, tránh tình trạng quá tải và ảnh hưởng đến chất lượng sống của những hộ dân sống trên địa bàn.

BẢNG 3. ĐÁNH GIÁ CỦA NGƯỜI DÂN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA DU LỊCH TỚI KHÔNG GIAN CÔNG CỘNG (%)

	Toàn tỉnh	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
Rất xuống cấp	0,69	0,00	1,79	0,00
Xuống cấp	12,41	14,29	14,29	3,85
Không ảnh hưởng	22,76	15,87	19,64	46,15
Cải thiện	48,97	58,73	44,64	34,62
Rất cải thiện	15,17	11,11	19,64	15,38

Nguồn: Tính toán từ kết quả khảo sát của đề tài 2019.

Nhìn chung, theo đánh giá của các hộ gia đình, phát triển du lịch có tác động khá tích cực tới sự phát triển chung của địa phương tuy tác động chưa thực sự quá lớn và lan tỏa tới tất cả các hộ gia đình. Theo đánh giá của các hộ gia đình, phần lớn các hộ (93,2% số hộ) cho rằng du lịch có tác động tốt và rất tốt tới sự

phát triển chung của các địa phương. Tuy vậy, để du lịch thực sự trở thành ngành mũi nhọn, định hướng phát triển du lịch có tính dài hạn, bền vững là rất quan trọng nhằm tránh tình trạng tăng trưởng nóng dẫn tới phá vỡ chính các tiềm năng du lịch hiện có của tỉnh.

BẢNG 4. ĐÁNH GIÁ CỦA NGƯỜI DÂN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA DU LỊCH TỚI SỰ PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG (%)

	Toàn tỉnh	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
Rất kém	0.0	0.0	0.0	0.0
Kém	0.7	0.0	1.7	0.0
Không thay đổi	6.8	6.4	5.1	11.5
Tốt	62.2	58.7	64.4	65.4
Rất tốt	30.4	34.9	28.8	23.1

Nguồn: Tính toán từ kết quả khảo sát của đề tài 2019.

2.2. Tác động về mặt xã hội

Về cơ hội việc làm. Trong những năm gần đây, sự phát triển du lịch ở các địa phương tại

Hà Giang, đặc biệt như Đồng Văn, Mèo Vạc, Quản Bạ, Hoàng Su Phì,... đã tạo ra khá nhiều việc làm trực tiếp và gián tiếp. Các nhóm việc làm chủ yếu mà ngành du lịch tạo ra gồm chủ các doanh nghiệp/hộ kinh doanh (lưu trú, vận tải, ăn uống, lữ hành,...), lao động làm thuê trong các doanh nghiệp/hộ kinh doanh du lịch, lao động tham gia cung cấp các dịch vụ/hàng hóa phục vụ cho hoạt động du lịch. Năm 2015, số lao động làm việc trong lĩnh vực lưu trú và ăn uống là 3.593 người thì đến năm 2019 đã tăng lên 6.442 người (Cục Thống kê Hà Giang, 2020). Những nhà đầu tư/hộ gia đình có điều kiện khá giả, có năng lực kiến thức thường sẽ tận dụng cơ hội tốt hơn so với những hộ nghèo trong đầu tư kinh doanh trực tiếp song cơ hội vẫn đến với các hộ có điều

kiện kinh tế kém hơn. Chẳng hạn, sự phát triển của dịch vụ homestay và du lịch cộng đồng đã thu hút các hộ gia đình là người dân tộc thiểu số tham gia kinh doanh và làm việc trong lĩnh vực du lịch.

Kết quả khảo sát các hộ gia đình cho thấy phần lớn hộ cho rằng cơ hội việc làm liên quan tới lĩnh vực du lịch đã tăng lên khá nhiều trong những năm gần đây. Có tới 83% số hộ cho rằng họ dễ và rất dễ tìm việc làm. Tại những nơi có phát triển du lịch mạnh như Đồng Văn, Mèo Vạc, Quản Bạ, Hoàng Su Phì, tỷ lệ trả lời cơ hội việc làm dễ hơn cũng cao hơn so với khu vực có vị trí, điều kiện phát triển du lịch kém hơn như Bắc Quang, Bắc Mê, Vị Xuyên.

BẢNG 5. ĐÁNH GIÁ CỦA NGƯỜI DÂN VỀ CƠ HỘI VIỆC LÀM LIÊN QUAN TỚI HOẠT ĐỘNG DU LỊCH (%)

	Toàn tỉnh	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
Rất khó	1,4	0,0	3,5	0,0
Khó	3,4	1,0	3,5	7,7
Không thay đổi	12,2	8,0	8,6	19,2
Dễ	72,1	46,0	72,4	69,2
Rất dễ	10,9	8,0	12,1	3,9

Nguồn: Tính toán từ kết quả khảo sát của đề tài 2019.

Tác động tới văn hóa của người dân bản địa. Trước xu hướng hội nhập mạnh mẽ, nét văn hóa truyền thống lâu đời của các đồng bào dân tộc đã có nhiều thay đổi. Sự thay đổi mạnh mẽ và rõ nét ở hầu hết các dân tộc là về trang phục, kiến trúc, vật liệu trong thiết kế, xây dựng nhà ở, các nghi lễ truyền thống. Những nét văn hóa truyền thống bị thay đổi không chỉ bởi tác động từ trong nước mà còn do ảnh hưởng từ bên ngoài. Ví dụ, kiến trúc nhà ở, trang phục của một số đồng bào dân tộc ở Đồng Văn bị ảnh hưởng bởi Trung Quốc do quá trình đi lao động, làm thuê bên đó. Một số

đồng bào dân tộc, đặc biệt là những huyện biên giới có lao động sang làm việc bên kia biên giới hoặc khu vực giáp ranh bị ảnh hưởng đáng kể bởi văn hóa Trung Quốc như văn hóa dân tộc Choang thông qua băng đĩa, sóng phát thanh và truyền hình (Thảo luận nhóm với cán bộ huyện Đồng Văn, 2019). Bên cạnh đó, nhiều dân tộc cũng đang dần thay đổi trang phục, bản sắc dân tộc theo người Kinh do sự phát triển của phương tiện truyền thông và kết nối thị trường.

Mặt khác, phát triển du lịch cũng có ý nghĩa quan trọng giúp phục hồi, bảo tồn và gìn

giữ nét văn hóa truyền thống đặc sắc của các đồng bào dân tộc. Nhờ có du lịch, nhiều nghi lễ truyền thống đã được tổ chức thường xuyên hơn như lễ cấp sắc, nhảy lửa; nhiều nhà cửa theo kiến trúc truyền thống được bảo tồn và khôi phục xây dựng...(PVS và TLN cán bộ quản lý các huyện tại Hà Giang, 2019). Những

nét văn hóa truyền thống là một trong những yếu tố quan trọng thu hút du khách trong nước và quốc tế tới thăm quan Hà Giang. Xác định du lịch là ngành tiềm năng, tỉnh Hà Giang cũng đã có nhiều hỗ trợ về chính sách và nguồn lực, giúp bảo tồn, gìn giữ bản sắc dân tộc của người dân.

BẢNG 6. ĐÁNH GIÁ CỦA NGƯỜI DÂN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA DU LỊCH TỚI VĂN HÓA CỦA NGƯỜI DÂN BẢN ĐỊA (%)

	Toàn tỉnh	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
Rất tiêu cực	0,0	0,0	0,0	0,0
Tiêu cực	7,8	9,8	8,9	0,0
Không ảnh hưởng	23,2	19,7	16,1	48,0
Tích cực	61,3	63,9	64,3	48,0
Rất tích cực	7,8	6,6	10,7	4,0

Nguồn: Tính toán từ kết quả khảo sát của đề tài 2019.

Quá trình đô thị và phát triển ở giai đoạn đầu thường gắn với sự xuất hiện những tệ nạn xã hội do số lượng người nhập cư (cả ngắn hạn và dài hạn) mang tới (PVS và Thảo luận nhóm cán bộ quản lý cấp tỉnh và huyện tỉnh Hà Giang, 2019). Theo kết quả khảo sát, có khoảng một nửa số hộ gia đình cho rằng các tệ nạn xã hội đang có xu hướng tăng lên tại địa phương, đặc biệt những khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh như khu vực thành phố Hà

Giang, khu vực cao nguyên đá Đổng Văn, trong khi ở các khu vực kém phát triển hơn như Hoàng Su Phì, Xín Mần, Quang Bình các hộ đánh giá tệ nạn xã hội ít gia tăng hơn.

Thực tế thảo luận với cán bộ các địa phương cũng cho thấy, nhìn chung, tệ nạn xã hội có gia tăng nhưng vẫn còn nhỏ, không phổ biến và cũng ít ảnh hưởng tới đời sống của người dân địa phương, ít ảnh hưởng tới du khách đến thăm quan.

BẢNG 1. ĐÁNH GIÁ CỦA NGƯỜI DÂN VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CÓ ẢNH HƯỞNG TỚI CÁC TỆ NẠN XÃ HỘI (%)

	Toàn tỉnh	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
Tăng rất mạnh	0,7	1,6	0,0	0,0
Tăng	53,1	54,8	58,6	36,0
Không thay đổi	33,1	27,4	32,8	48,0
Giảm	11,7	14,5	8,6	12,0
Giảm mạnh	1,4	1,6	0,0	4,0

Nguồn: Tính toán từ kết quả khảo sát của đề tài 2019.

Về tình hình tội phạm. Phát triển du lịch có ảnh hưởng tiêu cực tới tình hình tội phạm và an ninh trật tự khi xu hướng này đang gia tăng khá nhanh trong những năm gần đây. Hơn một nửa số hộ dân được khảo sát cho rằng tình hình tội phạm gia tăng trong những năm gần đây do phát triển du lịch. Thực trạng này khá tương đồng ở cả 3 khu vực của tỉnh.

Sự gia tăng của tình hình tội phạm dẫn tới an ninh trật tự ở các địa phương cũng bị ảnh

hưởng. Có khoảng 44,5% số hộ cho rằng phát triển du lịch có tác động tiêu cực tới tình hình an ninh trật tự. Họ cho rằng số khách tới thăm quan du lịch tại địa phương có thể có nhiều người đang vi phạm pháp luật ở những tỉnh thành khác hoặc có thể có những người lợi dụng là du khách để trốn tránh pháp luật. Hơn nữa, Hà Giang là tỉnh biên giới nên vấn đề an ninh trật tự cũng cần được kiểm soát chặt chẽ.

BẢNG 8. ĐÁNH GIÁ CỦA NGƯỜI DÂN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA DU LỊCH TỚI TÌNH HÌNH TỘI PHẠM (%)

	Toàn tỉnh	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
Tăng rất mạnh	4,2	1,6	8,9	0,0
Tăng	49,0	50,8	46,4	50,0
Không thay đổi	35,0	34,4	37,5	30,8
Giảm	11,2	13,1	7,1	15,4
Giảm mạnh	0,7	0,0	0,0	3,9

Nguồn: Tính toán từ kết quả khảo sát của đề tài 2019.

2.3. Tác động về mặt môi trường

Tác động tích cực

Các cơ quan quản lý địa phương đã có nhiều chính sách, công cụ nhằm cải thiện môi trường sống và khu vực không gian công cộng thông qua các hoạt động qui hoạch và thực hiện qui hoạch, thu gom rác thải, đặt thùng rác công cộng,...nhằm tạo ra môi trường xanh, sạch, hấp dẫn nhằm thu hút khách du lịch.

Những xã, thôn bản có các hộ hoạt động kinh doanh du lịch (homestay) đã có sự thay đổi tích cực về tư duy, nhận thức về vệ sinh môi trường (quét dọn vệ sinh, thu gom rác thải, xây dựng nhà cửa, chuồng trại vật nuôi, cảnh quan thôn bản). Một số hộ đã biết tận dụng, tái sử dụng các nguyên liệu tự nhiên sẵn có tại địa phương để làm đồ dùng, nguyên liệu xây dựng phòng nghỉ, nhà tắm như tại xã Hồ

Thầu, Hoàng Su Phì; Làng văn hóa Lô Lô Chải, xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn.

Tác động tiêu cực

Qua khảo sát của nhóm nghiên cứu, quy hoạch và đầu tư xây dựng phát triển du lịch tại địa phương nếu không chú ý tới dài hạn có thể gây ra tác động tiêu cực tới môi trường sinh thái (ví dụ như xây nhà hàng tại Mã Pì Lèng, xây chùa tại Lũng Cú,...). Có thể thấy, quy hoạch và xây dựng nhà ở, công trình ở các trung tâm du lịch của tỉnh chưa có bản sắc riêng, quy hoạch xây dựng được thiết kế, thực thi không khác gì các trung tâm đô thị, thị trấn ở những tỉnh đồng bằng khác. Các trung tâm đô thị chưa tạo ra sự hấp dẫn về thăm quan, mua sắm đối với khách du lịch.

Hiện, tỉnh vẫn chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt từ các hộ kinh doanh nhà hàng khách sạn, hộ gia đình mà vẫn

thải ra môi trường tự nhiên. Hệ thống nhà vệ sinh công cộng, thùng thu gom rác công cộng chưa nhiều, chưa thực sự sạch sẽ. Ý thức của người dân nói chung về môi trường chưa thực sự tốt, tình trạng rác thải vứt bừa bãi, đường xá bụi bặm ở các trung tâm thị trấn du lịch vẫn diễn ra khá phổ biến.

Kết quả khảo sát từ các hộ gia đình cũng cho thấy, quan điểm của người dân cho rằng phát triển du lịch sẽ tạo ra những ảnh hưởng không tốt tới cảnh quan tự nhiên (có tới 44,5% số người đánh giá tiêu cực và rất tiêu cực nhưng nhiều người cho rằng nó cũng có những tác động tích cực (42,3%) tới cảnh quan tự nhiên đúng với thực tế diễn ra tại địa phương.

BẢNG 2. ĐÁNH GIÁ CỦA NGƯỜI DÂN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỚI CẢNH QUAN TỰ NHIÊN VÀ HỆ SINH THÁI (%)

	Toàn tỉnh	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
Rất tiêu cực	3,5	1,6	3,6	7,7
Tiêu cực	41,0	43,6	41,1	34,6
Không thay đổi	13,2	14,5	8,9	19,2
Tích cực	38,9	35,5	44,6	34,6
Rất tích cực	3,5	4,8	1,8	3,9

Nguồn: Tính toán từ kết quả khảo sát của đề tài 2019.

Liên quan tới vấn đề môi trường tự nhiên, theo đánh giá của các hộ thì phát triển du lịch có ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường nhiều hơn là tích cực. Có tới 62,3% số hộ cho rằng phát triển du lịch ảnh hưởng tiêu cực và rất tiêu cực tới môi trường tự nhiên và chỉ có 27,4% số hộ cho rằng ảnh hưởng tích cực và

rất tích cực. Theo các hộ gia đình, những vùng đô thị hóa cao và đón khách du lịch nhiều như khu vực thành phố Hà Giang, thị trấn Đồng Văn, khu vực cao nguyên đá, môi trường sẽ chịu ảnh hưởng tiêu cực lớn hơn so với những vùng hoang sơ như khu vực Hoàng Su Phì, Xín Mần.

BẢNG 3. ĐÁNH GIÁ CỦA NGƯỜI DÂN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỚI MÔI TRƯỜNG (%)

	Toàn tỉnh	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
Rất tiêu cực	3,4	1,6	6,9	0,0
Tiêu cực	58,9	59,7	62,1	50,0
Không thay đổi	10,3	11,3	5,2	19,2
Tích cực	24,7	24,2	25,9	23,1
Rất tích cực	2,7	3,2	0,0	7,7

Nguồn: Tính toán từ kết quả khảo sát của đề tài 2019.

3. Đánh giá của khách du lịch

3.1. Đánh giá về khía cạnh kinh tế

Theo đánh giá của du khách quốc tế, giá dịch vụ lưu trú khá đắt so với chất lượng. Có tới 30,8% du khách cho rằng giá dịch vụ lưu trú là đắt và 12,8% cho rằng rất đắt. Trong khi

phần lớn du khách nội địa cho rằng giá dịch vụ lưu trú là khá phù hợp với người Việt. Có thể, du khách nước ngoài tới Hà Giang du lịch chủ yếu là những khách tự đi theo hình thức “phượt”, những khách này chủ yếu là những người có thu nhập không cao nên những đánh giá về giá dịch vụ lưu trú cao (Kết quả KS và PVS của đề tài, 2019). Thực tế, giá dịch vụ lưu trú tại tỉnh Hà Giang không đắt, thậm chí rẻ so với những địa điểm du lịch tương đồng khác như Sapa, Đà Lạt.

Về giá thành dịch vụ ăn uống, cả khách quốc tế và khách nội địa đều cho rằng giá đồ ăn, uống ở Hà Giang khá hợp lý, thậm chí là rẻ. Điều này là dễ hiểu bởi hầu hết khách du lịch ăn ở cùng người dân hay các quán ăn, nhà hàng ở mức bình dân nên giá thành khá rẻ. Mặt khác, mặt bằng giá cả của các địa phương du lịch, đặc biệt là ở các vùng nông thôn, vùng sâu (du lịch cộng đồng, homestay) không quá cao (thậm chí vẫn rẻ) so với mức thu nhập của khách du lịch, đặc biệt là du khách quốc tế.

Dù được đánh giá ăn uống là khá rẻ, chất lượng thức ăn vẫn còn là vấn đề, đặc biệt đối

với du khách nước ngoài. Theo kết quả khảo sát, có tới 34,2% số du khách quốc tế cho rằng chất lượng thức ăn ở Hà Giang là kém và rất kém, và 34,2% là bình thường. Trong khi đó, khách Việt Nam lại đánh giá khá quan hơn khi có 49,2% cho rằng chất lượng tốt và 13% là rất tốt. Có thể, do tính tương đồng về văn hóa, ẩm thực và khẩu vị nên người Việt đánh giá tốt hơn về chất lượng ăn uống tại Hà Giang. Hơn nữa, do khách nội địa chủ yếu du lịch ngắn ngày trong khi khách quốc tế thường ở dài hơn. Đây cũng có thể là nguyên nhân dẫn tới sự nhầm lẫn đối với thức ăn địa phương nếu kém đa dạng trong chế biến. Kết quả khảo sát thực tế tại địa phương cũng cho thấy kết quả tương tự, thức ăn mà các hộ homestay nấu hàng ngày chỉ xoay quanh một vài món như gà, lợn, bò và các món chế biến đơn giản. Để thực sự hấp dẫn du khách, đặc biệt là du khách quốc tế thì các nhà hàng, khách sạn và người dân Hà Giang cần tiếp tục tìm hiểu, học tập để hiểu rõ khẩu vị, sở thích, văn hóa ẩm thực của các nhóm du khách để cải thiện chất lượng phục vụ tốt hơn.

BẢNG 4. ĐÁNH GIÁ CỦA DU KHÁCH VỀ GIÁ DỊCH VỤ ĂN UỐNG VÀ LƯU TRÚ SO VỚI CHẤT LƯỢNG (%)

	Khách nội địa		Khách nước ngoài	
	Ăn uống	Lưu trú	Ăn uống	Lưu trú
Rất đắt	0,0	0,0	7,5	12,8
Đắt	14,8	8,2	12,5	30,8
Phù hợp	56,6	59,8	52,5	46,2
Rẻ	16,4	22,1	22,5	10,3
Rất rẻ	12,3	9,8	5,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ kết quả khảo sát của đề tài 2019.

Để đảm bảo phát triển du lịch bền vững, các sản phẩm và địa điểm du lịch cần mang lại sự hài lòng đối với du khách sau mỗi chuyến đi. Chính vì vậy, phản hồi của du khách về

mức độ hài lòng, cụ thể là mức độ hài lòng về giá của du khách giúp Hà Giang biết rõ các sản phẩm du lịch của mình hiện tại đã thực sự hấp dẫn chưa, từ đó có những thay đổi và điều

chính để du lịch tiếp tục phát triển bền vững trong dài hạn.

3.2. Đánh giá về khía cạnh xã hội

Các du khách nước ngoài cũng đánh giá về mức độ an toàn và an ninh tại địa phương thấp hơn so với du khách nội địa. Chỉ có

51% khách nước ngoài cho rằng an toàn và rất an toàn tại các địa phương khi du lịch, trong khi tỷ lệ đánh giá này của khách nội địa là khoảng 78%. Ví dụ, giao thông là vấn đề lo lắng điển hình đối với người nước ngoài khi tới Việt Nam.

BẢNG 5. ĐÁNH GIÁ CỦA DU KHÁCH VỀ AN NINH, AN TOÀN VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG (%)

Đánh giá về An ninh, an toàn	Khách nội địa	Khách nước ngoài	Đánh giá về Tệ nạn xã hội	Khách nội địa	Khách nước ngoài
Rất không an toàn	0,0	4,9	Rất nhiều	0,0	0,0
Ít an toàn	3,3	19,5	Nhiều	0,8	10,0
Khá an toàn	18,9	24,4	Khá nhiều	8,3	5,0
An toàn	50,8	43,9	Ít gặp	39,7	40,0
Rất an toàn	27,1	7,3	Không gặp	51,2	45,0

Nguồn: Tính toán từ kết quả khảo sát của đề tài 2019.

Về các tệ nạn xã hội, phần lớn du khách đều cho rằng ít thấy tệ nạn xã hội tại các điểm du lịch tại tỉnh Hà Giang. Có khoảng 51% du khách nội địa và 45% du khách quốc tế cho rằng không gặp/nhìn thấy các tệ nạn xã hội tại những nơi mình tới thăm quan du lịch. Tuy nhiên, vẫn có khoảng một nửa số du khách cho rằng họ ít nhiều gặp/quan sát thấy các tệ nạn xã hội ở đâu đó tại các điểm du lịch. Kết quả khảo sát khách du lịch khá tương đồng với kết quả trao đổi với các cơ quan quản lý tại địa phương về tình hình tệ nạn xã hội phát sinh từ phát triển du lịch.

3.3. Đánh giá về khía cạnh môi trường

Đánh giá về tình trạng môi trường ở các điểm du lịch, du khách quốc tế có sự đánh giá khá khác biệt so với cách nhìn của nhóm khách nội địa. Nhóm du khách quốc tế đánh giá tình trạng môi trường ở các điểm du lịch khá kém khi có tới 43,9% cho rằng môi trường xung quanh là ô nhiễm, chỉ có 19,5% cho rằng môi trường xung quanh sạch sẽ và chỉ 2,4% là

rất sạch sẽ. Theo kết quả phỏng vấn sâu, khách du lịch quốc tế cho rằng họ thấy rác được vứt khá bừa bãi ở đường và các điểm công cộng. Trong khi đó, nhóm khách nội địa đánh giá chất lượng môi trường khá ổn khi có tới 45,5% cho rằng môi trường sạch sẽ và 24% cho rằng rất sạch sẽ.

Để thu hút du khách quốc tế, đặc biệt là nhóm du khách thu nhập cao, chất lượng môi trường sống xung quanh là rất quan trọng. Thông thường, tiêu chuẩn sống và chất lượng môi trường của các nước châu Âu, Mỹ là rất cao so với chuẩn của Việt Nam. Vì vậy, sự khác biệt trong đánh giá là khá rõ giữa hai nhóm du khách. Để thay đổi thói quen, ý thức của người dân trong gìn giữ môi trường chung, tỉnh Hà Giang cần đưa nội dung đào tạo, nâng cao nhận thức, ý thức liên quan tới bảo vệ môi trường ngay từ cấp mầm non tới toàn dân. Đây có lẽ là giải pháp dài hạn, bền vững nhất bởi chỉ khi người dân có ý thức thì ngay cả khi thiếu thùng rác họ cũng sẽ không vứt rác ra

đường, nơi vui chơi công cộng. Bên cạnh đó, vai trò của nhà nước trong việc đưa ra các chế tài xử phạt, ưu tiên đầu tư và sử dụng công cụ

quản lý thực thi tốt hơn trong thu gom và xử lý nước thải, rác thải.

BẢNG 6. ĐÁNH GIÁ CỦA DU KHÁCH VỀ TÌNH TRẠNG RÁC THẢI VÀ NƯỚC THẢI (%)

	Đánh giá về rác thải trong môi trường sống		Đánh giá về tình trạng nước thải	
	Khách nội địa	Khách nước ngoài	Khách nội địa	Khách nước ngoài
Rất ô nhiễm	0,8	39,0	0,8	17,1
Ô nhiễm	11,6	4,9	12,3	36,6
Bình thường	18,2	34,2	25,4	22,0
Sạch sẽ	45,5	19,5	39,3	22,0
Rất sạch sẽ	24,0	2,4	22,1	2,4

Nguồn: Tính toán từ kết quả khảo sát của đề tài 2019.

Về thực trạng thùng rác thu gom tại các điểm du lịch, điểm công cộng, tỷ lệ du khách cho rằng thiếu thùng rác là khá cao, đặc biệt là quan điểm của du khách quốc tế. Có tới 20% du khách quốc tế cho rằng không thấy thùng rác ở các điểm du lịch và có 35% du khách rất ít thấy thùng rác. Du khách nội địa cũng đánh giá chưa tốt về vấn đề rác thải nhưng ít bị quan hơn so với khách quốc tế.

Kết quả khảo sát cho thấy du khách nước ngoài cho rằng nước thải đang gây ra ô nhiễm cao hơn nội địa rất nhiều. Có hơn 50% du khách nước ngoài cho rằng nước thải đang gây ra ô nhiễm. Đánh giá của các du khách nội địa khả quan hơn, thậm chí là tích cực với 75% cho rằng nước thải sạch sẽ và rất sạch sẽ. Ý kiến tích cực của khách nội địa có thể xuất phát từ thực tế là trước đây các hộ thường chăn nuôi sát với nơi sinh hoạt hoặc dưới gầm nhà sàn nhưng nhờ du lịch, hành vi của người dân thay đổi rõ rệt khi tổ chức chăn nuôi xa nơi sinh hoạt.

Thời gian tới, để tránh gây ra những ảnh hưởng tới môi trường, các trung tâm du lịch có sự tập trung dân cư/khách du lịch lớn như

thành phố Hà Giang, các trung tâm đô thị như Đồng Văn, Quản Bạ, Hoàng Su Phì,... cần sớm qui hoạch và xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

Hiện tại, do quá trình đô thị hóa và lượng khách du lịch chưa quá lớn nên cảnh quan vẫn giữ được vẻ nguyên sơ, tự nhiên. Đây chính là lợi thế của tỉnh và là điểm hấp dẫn nhất đối với du khách. Tuy nhiên, vài năm gần đây, sự phát triển kinh tế và du lịch ở địa phương đã bắt đầu có những tác động nhất định tới cảnh quan và không gian du lịch. Các tác động chính như đầu tư xây dựng các dự án phá vỡ cảnh quan tự nhiên, kiến trúc hiện đại xen lẫn kiến trúc truyền thống (nhà bê tông lẫn với nhà sàn, nhà đất),...

Kết quả khảo sát cho thấy, phần lớn du khách đánh giá các điểm du lịch bố trí không gian khá phù hợp khi có tới 66,4% du khách nội địa và 45% du khách quốc tế đã lựa chọn phương án này. Vẫn có tỷ lệ khá cao du khách nước ngoài đánh giá không gian du lịch với cảnh quan sinh thái chưa phù hợp (30%), tỷ lệ này của du khách nội địa thấp hơn (5,7%). Điều đó cho thấy, cơ quan quản lý cấp tỉnh, huyện

qui hoạch và phê duyệt các dự án đầu tư cần đặc biệt chú ý tới cảnh quan tự nhiên và không gian chung để tạo ra sự hấp dẫn tới du khách.

Đối với các điểm du lịch, việc qui hoạch không gian là đặc biệt quan trọng để tạo ra những điểm hấp dẫn đối với du khách. Thậm chí, nhiều điểm du lịch dù không có nhiều lợi thế tự nhiên nhưng có thể tạo ra sự hấp dẫn nhờ qui hoạch và xây dựng hợp lý giữa hạ tầng, nhà ở với sinh thái tự nhiên. Việc xây dựng các công trình hạ tầng ít tác động tới sinh thái tự nhiên, xây dựng các công trình cần chú ý tới nét văn hóa, truyền thống của người dân bản địa gắn với cảnh quan tự nhiên sẽ tạo ra các không gian du lịch hấp dẫn hơn đối với khách du lịch.

Kết luận

Kết quả khảo sát hộ gia đình và khách du lịch cho thấy, phát triển du lịch ở Hà Giang có những điểm tích cực và hạn chế chính như sau:

Về mặt tích cực, phát triển du lịch tạo việc làm, thu nhập thông qua những hoạt động kinh

doanh liên quan trực tiếp và gián tiếp tới hoạt động du lịch như lưu trú, ăn uống, vận chuyển, lữ hành và các dịch vụ khác (thủ công mỹ nghệ, các sản phẩm nông sản chế biến, các sản phẩm đặc sản); Giúp phục hồi và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, bản sắc của các đồng bào dân tộc đang dần bị thay đổi, pha trộn; Giúp cải thiện và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, đặc biệt là các hộ trực tiếp có hoạt động kinh doanh liên quan tới du lịch.

Về các hạn chế, yếu kém: Quy hoạch và phát triển không gian đô thị, không gian du lịch, kiến trúc nhà ở và các công trình hạ tầng chưa thực sự chú trọng và gắn với phát triển du lịch, kiến trúc chưa gắn với nét văn hóa dân tộc ở khu vực trung tâm các điểm du lịch; Kết nối giao thông giữa vùng, tỉnh, giao thông giữa các điểm du lịch còn khó khăn, mất nhiều thời gian; Theo nhận định của người trả lời, các không gian công cộng chưa thực sự sạch sẽ, rác và bụi bặm vẫn còn thấy ở nhiều nơi; Du lịch có những tác động tiêu cực nhất định về an ninh, trật tự, tệ nạn xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Cục Thống kê Hà Giang (2020), *Niên giám thống kê tỉnh Hà Giang năm 2019*. Nhà xuất bản Thống kê.
2. Butler, R. (1997) *Modelling tourism development*, in: Wahab, S. and Pigram, J.J. (eds), *Tourism, Development and Growth: The Challenge of Sustainability*, Routledge, London, 109–125
3. World Tourism Organization (UNWTO). Definition of sustainable tourism. Truy cập tại: <http://sdt.unwto.org/content/about-us-5>
4. Phạm Trung Lương (chủ nhiệm) (2002), *Cơ sở khoa học và giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam*, Đề tài khoa học độc lập cấp Nhà nước, Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch, Hà Nội.
5. McKercher, B. (1993), Some fundamental truths about tourism: understanding tourism's social and environmental impacts. *Journal of Sustainable Tourism*, 1(1) 6-16.
6. Khan, H., Seng, C. and Cheong, W. (1990) The social impact of tourism on Singapore, *The Service Industries Journal*, 10, (3) 541-548.
7. Cater, E. and Goodall, B. (1997) *Must tourism destroy its resource base?* in: France, L. (Ed.), *The Earthscan Reader in Sustainable Tourism*, Earthscan, London, 85–89
8. Laws, E. (1995) *Tourist Destination Management: Issues, Analysis and Policies*, Routledge, London.

9. World Tourism Organization and United Nations Development Programme (2017), *Tourism and the Sustainable Development Goals - Journey to 2030*, UNWTO, Madrid
10. Welford, R., Ytterhus, B. và Eligh, j. (1999), *Tourism and Sustainable Development : An analysis of policy and guides for managing provision and consumption*. *Sustainable Development*, 7, 165-177.

Thông tin tác giả:**1. Nguyễn Quang Thuần, GS. TS.**

- Đơn vị công tác: Hội đồng Lý luận trung ương
- Địa chỉ email: thuannq@yahoo.com

Ngày nhận bài: 3/8/2020

Ngày nhận bản sửa: 20/9/2020

Ngày duyệt đăng: 25/9/2020

2. Nguyễn Chiến Thắng, PGS. TS.

- Đơn vị công tác: Viện Nghiên cứu Châu Âu, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

3. Lê Văn Hùng, TS.

- Đơn vị công tác: Viện Kinh tế, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

4. Bùi Đức Hoàng, CN

- Đơn vị công tác: Sở Khoa học, Công nghệ tỉnh Hà Giang